

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi Ea Sin 1, quy mô 4.800 con lợn thịt/đợt (9.600 con lợn thịt/năm)” tại buôn Ea Sin, xã Ea Sin, huyện Krông Búk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 7/11/2020; Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường”;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn số 956/STNMT-MT ngày 28/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi Ea Sin 1, quy mô 4.800 con lợn thịt/đợt (9.600 con lợn thịt /năm) tại buôn Ea Sin, xã Ea Sin, huyện Krông Búk; Văn bản số 34/CV-THT ngày 03/4/2024 của Hộ chăn nuôi Trần Huy Tùng “V/v đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi Ea Sin 1 tại Buôn Ea Sin, xã Ea Sin, huyện Krông Búk” và hồ sơ bổ sung ngày 22/4/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 129/TTr-STNMT ngày 25/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi Ea Sin 1, quy mô 4.800 con lợn thịt/đợt (9.600 con lợn thịt/năm)” tại buôn Ea Sin, xã Ea Sin, huyện Krông Búk (sau đây gọi là

Dự án) của Hộ chăn nuôi Trần Huy Tùng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại buôn Ea Sin, xã Ea Sin, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (thay b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Krông Buk;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Hộ chăn nuôi Trần Huy Tùng (Đ/c: số 7/28 đường Máy Tơ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng);
- Lưu: VT, NNMT (H. 07b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI EA SIN 1, QUY MÔ 4.800 CON LỢN
THỊT/ĐỢT (9.600 CON LỢN THỊT/NĂM) TẠI BUÔN EA SIN,
XÃ EA SIN, HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi Ea Sin 1, quy mô 4.800 con lợn thịt/đợt (9.600 con lợn thịt/năm).
- Địa điểm thực hiện dự án: buôn Ea Sin, xã Ea Sin, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.
- Chủ dự án đầu tư: Hộ chăn nuôi Trần Huy Tùng.
- Địa chỉ liên lạc: số 7/28 đường Máy Tơ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô sử dụng đất: 26.986,5 m².
- Quy mô chăn nuôi: 4.800 con lợn thịt/đợt (9.600 con lợn thịt/năm).
- Sản phẩm của Dự án: Lợn thịt (lợn xuất bán) đạt trọng lượng 100-120 kg/con.

1.3. Công nghệ sản xuất:

- Quy trình chăn nuôi: chăn nuôi mô hình lạnh, tập trung, khép kín theo công nghệ chăn nuôi của Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation.
- Hình thức chăn nuôi: chăn nuôi gia công cho Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

STT	Hạng mục công trình	Kích thước DxR (m)		Diện tích (m ²)
A	Công trình chính (29,9%)			8.065,0
1	Chuồng trại (4 chuồng)	80	20	6.400
2	Kho cám (2 kho)	30	5	300
3	Nhà cách ly	15	5	75
4	Nhà vấp phòng, nhà ở	18	5	90
5	Khoảng cách giữa hai chuồng nuôi (3 lối)	80	5	1.200
B	Công trình phụ trợ (0,8%)			204,0
1	Hố sát trùng xe máy	2	2	4
2	Hố sát trùng xe	10	4,5	45

3	Nhà đặt máy phát điện	5	5	25
4	Nhà khử trùng, nhà vệ sinh	5	2	10
5	Nhà ăn, nhà bếp	7	5	35
6	Kho thiết bị, kho vôi	5	5	25
7	Bể nước (2 bể)	10	6	60
8	Tháp nước sinh hoạt (5m ³)	-	-	-
9	Tháp nước (20m ³)	-	-	-
10	Giếng khoan	-	-	-
11	Trạm điện 300KVA	-	-	-
12	Tường rào bảo vệ trại	-	-	-
13	Cổng ra vào dự án	-	-	-
14	Hệ thống thoát nước	-	-	-
15	Hệ thống cấp nước	-	-	-
16	Hệ thống cấp điện	-	-	-
C	Công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường (25,2%)			6.760,0
1	Trạm xử lý nước thải	20	10	400
2	Hầm Biogas (2 hầm)	25	20	1.000
3	Hồ chứa nước sau xử lý 1	-	-	1.550
4	Hồ chứa nước sau xử lý 2	-	-	2.500
5	Hồ sục cở	20	15	300
6	Nhà chứa phân	-	-	200
7	Nhà ủ phân	-	-	240
8	Nhà lưu chứa CTR	5	5	25
9	Khu vực diện tích dự phòng tiêu hủy lợn chết	-	-	500
10	Khu vực dự phòng chôn lấp CTRSH	-	-	45
D	Khu vực cây xanh, đường nội bộ (44,3%)			
1	Sân bãi, đường nội bộ	-	-	2.310,0
2	Cây xanh			9.647,5
-	Đất giữ nguyên hiện trạng cây xanh			1.844,5
-	Đất trồng cây xanh			7.803
TỔNG CỘNG				26.986,5

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:
- + Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn thảm thực vật);
- + Hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng;
- + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động chăn nuôi;

+ Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án;

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại Dự án;

+ Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động thu dọn thảm thực vật; đào đắp, san gạt mặt bằng;

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án;

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu làm phát sinh bụi, khí thải;

- Nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

- Hoạt động chăn nuôi lợn, quy trình như sau: Lợn con đã được kiểm dịch (Lợn con cai sữa, $\geq 4\text{kg}$, từ 18-30 ngày tuổi) → Chuồng chăm sóc lợn cai sữa (Nuôi giai đoạn 1 đạt trọng lượng khoảng 20 kg, từ 31-69 ngày tuổi) → Chuồng chăm sóc (Nuôi giai đoạn 2 đạt trọng lượng khoảng 60 kg), từ 70-130 ngày tuổi → Nuôi dưỡng lợn thịt (Nuôi giai đoạn 3 đạt trọng lượng khoảng 105 kg, từ 131-165 ngày tuổi) → Xuất bán.

- Tác động đến môi trường khi Dự án đi vào hoạt động gồm: bụi, khí thải, mùi hôi, nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt (Phát sinh từ hoạt động của các cán bộ, công nhân và nhân viên phục vụ Dự án) với lưu lượng khoảng $2\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia hoạt động của Dự án với lưu lượng khoảng $1,3\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

+ Nước thải chăn nuôi (Gồm có: Nước vệ sinh chuồng trại, nước tiểu của lợn, và nước thải từ hoạt động ép phân): Phát sinh với lưu lượng khoảng 72,5m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), chất lơ lửng (SS), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn thảm thực vật); đào đắp, san gạt mặt bằng; thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi; hoạt động của các phương tiện vận chuyển của công nhân, vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Dự án; từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, CH₄, NH₃.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 16 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, giấy carton, nilon, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 10,4 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng, nguyên vật liệu không đạt chuẩn, rơi vãi trong suốt quá trình thi công (Ước tính khoảng 41,2 tấn/ thời gian xây dựng).

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn chăn nuôi: Phân lợn khô khoảng 4 tấn/ngày; xác lợn chết từ quá trình chăm sóc khoảng 144 con/đợt nuôi (Tỷ lệ chết khoảng 3%).

+ Bùn thải: Bùn thải từ bể tự hoại ước khoảng 2,87kg/ngày; bùn từ bể biogas ước khoảng 478kg/ngày; bùn từ cụm bể xử lý sinh học của hệ thống xử lý nước thải khoảng 98kg/ngày.

+ Giấy làm mát tại dàn lạnh tại mỗi dãy chuồng: 112 kg/ lần thay.

+ Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: 14,4 kg/ ngày.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu với khối lượng ít; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin, bao bì cứng nhựa có chứa thành phần nguy hại...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng khoảng 5-8 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các loại bao bì thuốc thú y, dụng cụ thú y (bơm kim tiêm,...), bao bì hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau, gang tay dính dầu mỡ bôi trơn thải. Ngoài ra, khi có dịch bệnh phát

sinh, dự án sẽ có xác lợn chết do dịch bệnh cần phải tiêu hủy, xử lý.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi; vận hành các máy móc, thiết bị phục vụ Dự án; các phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án (trên đường liên xã) và vùng dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án và vùng dự án.

+ Tác động do hoạt động khai thác nước dưới đất: Việc khai thác nước ngầm thường xuyên, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ có nguy cơ làm hạ thấp mực nước ngầm trong khu vực; gây sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước và gây sụt lún công trình

+ Tác động do sự cố cháy nổ, dịch bệnh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Chủ dự án sẽ ưu tiên xây dựng nhà ở công nhân có nhà vệ sinh và bể tự hoại 3 ngăn tại khu văn phòng nên có thể sử dụng trong quá trình thi công và vận hành của dự án.

b) Giai đoạn vận hành:

- Quy trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Được thu gom, xử lý sơ bộ (Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 9 m³; nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác được thu gom, dẫn qua song chắn rác) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: Được thu gom cùng với phân lợn → Theo đường ống dẫn nước thải PVC D200 mm (Bố trí dọc theo dãy chuồng nuôi) → Hồ ga chuyển tiếp → Hệ thống ống dẫn PVC D200mm (Lắp đặt ngầm phía dưới) → Bể thu gom 1 → Bơm, ép tách phân (Tách khoảng 70% lượng phân lẫn trong nước thải) → Nước thải sau khi đã tách phân (Phân lợn còn lại lẫn trong nước thải ước khoảng 30% lượng phân thu gom) → Bể thu gom 2 → Hàm biogas → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Hệ thống ống dẫn thu gom nước thải từ chuồng nuôi đến các bể thu gom được thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và không trùng với đường ống thoát nước khác; có tạo độ dốc để thoát nước. Các hạng mục của công trình xử lý nước thải được chống thấm theo quy định.

- Quy trình, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất 90 m³/ngày đêm):

+ Nước thải (Thu gom chung với phân lợn) → Bể thu gom (Ngăn 1) → Bơm, ép tách phân; nước thải sau khi đã tách phân → Bể thu gom (Ngăn 2) → Hàm biogas → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Hồ sinh học có trồng thực vật thủy sinh (hồ chứa 1) → Khử trùng (trên đường ống) → Hồ chứa nước sau xử lý 2 (đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi trước khi sử dụng cho hoạt động tưới cây; QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng) → Tái sử dụng tưới cây trong khuôn viên dự án.

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, đảm bảo các quy định hiện hành. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B), QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng; được lưu chứa tại hồ chứa nước dự trữ để tái sử dụng tưới cây trong khuôn viên dự án; nghiêm cấm hành vi xả nước thải đã qua xử lý ra ngoài môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công:

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển; chở đúng tải trọng quy định; phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu lượng bụi trên công trường với tần suất 1-2 lần/ngày, gia tăng tần suất vào mùa khô và những ngày nắng nóng. Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

- Công trình: không có.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn từ quá trình chăn nuôi:

+ Chuồng trại chăn nuôi được thiết kế thông thoáng, lắp đặt hệ thống lạnh và kín, đảm bảo các quy định về an toàn kỹ thuật trong chăn nuôi và khả năng thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Lắp đặt quạt thông gió để thông thoáng khí trong khu vực nhà kho. Bố trí lưới chống côn trùng trong khu vực chuồng trại để ngăn chặn sự xâm nhập của các côn trùng vào khu vực chăn

nuôi, đảm bảo an toàn sinh học trong chăn nuôi.

+ Xử lý mùi hôi trong khu vực chuồng trại chăn nuôi bằng chế phẩm Airsolution 9312. Lắp đặt hệ thống phun sương chế phẩm Airsolution 9312 tại mỗi chuồng nuôi, bố trí dọc theo 2 bên dãy chuồng để hấp thụ các chất gây mùi và hỗ trợ tiêu diệt các vi sinh vật có hại trong môi trường không khí chuồng nuôi.

+ Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh và phòng chống dịch bệnh theo quy trình chăn nuôi của Công ty. Vệ sinh chuồng trại thường xuyên, tránh lưu trữ, tồn đọng phân và nước thải trong chuồng (Định kỳ 1 ngày/lần). Sử dụng chế phẩm sinh học EM để giảm thiểu mùi hôi trong quá trình ủ phân.

+ Phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh; định kỳ phun thuốc sát trùng, diệt muỗi và côn trùng xung quanh khu chăn nuôi theo đúng quy trình chăn nuôi lợn an toàn sinh học, vệ sinh thú y (Tối thiểu 6-8 tuần/lần).

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom nước thải là ống nhựa PVC, thiết kế hệ thống có độ dốc phù hợp để tránh hiện tượng ứ đọng nước thải, gây mùi hôi.

+ Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm hạn chế tối đa các sự cố xảy ra.

- Kiểm soát mùi hôi phát sinh từ quá trình ủ phân: Phân lợn sau máy ép phân được đưa về nhà ủ phân; quá trình ủ phân có sử dụng chế phẩm vi sinh, phủ bạt để tăng hiệu quả xử lý và hạn chế phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

- Các biện pháp khác:

+ Xây dựng tường rào bao quanh khu vực Dự án, cách ly khu vực chăn nuôi và khu vực xử lý chất thải với đường nội đồng và vùng lân cận.

+ Bê tông đường giao thông nội bộ. Trồng và duy trì diện tích cây xanh (Diện tích là 9.647,5 m²); đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy (loại 120 lít) đặt tại khu vực nhà tạm hiện có để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án; chất thải có thể tái chế được thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Sinh khối phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng sẽ được thu gom, tận dụng hoặc chôn lấp trong khu vực dự án.

- Tận dụng lượng đất đào thải vào san lấp mặt bằng. Toàn bộ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng” và Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy (Loại 120 lít) đặt tại khu nhà điều hành, bếp ăn... để thu gom tất cả các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

- + Đối với chất thải có nguồn gốc hữu cơ: Được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án.

- + Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom, lưu chứa trong thùng chứa (Loại 120 lít) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải chăn nuôi:

- + Phân lợn (Được thu gom chung với nước thải) → Bể thu gom 1 → Bơm, ép tách phân (Bằng máy ép phân; tách được khoảng 70% lượng phân có trong nước thải) → Phân lợn thu được sau máy ép phân → Nhà ủ phân (Thực hiện ủ phân trong điều kiện hiếu khí có đảo trộn với thời gian là 25 ngày, che phủ bằng bạt HDPE; trong quá trình ủ phân có rải một lớp mỏng nấm Trichoderma kết hợp tưới đều dung dịch chế phẩm EM đã pha) → Đóng bao, lưu giữ trong nhà chứa phân → Bán cho đơn vị làm phân bón (Yêu cầu phân bón xuất bán ra ngoài trang trại phải đảm bảo đáp ứng được các quy định hiện hành về sản xuất và kinh doanh phân bón).

- + Lợn chết trong quá trình chăm sóc: Được tiến hành cho vào hố huỷ xác để tiêu huỷ xác heo. Hố huỷ xác được lót bạt HDPE dày 1mm, bờ được đắp cao hơn nền 0,5m để ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong. Kích thước: 01 hố đào với kích thước 3m x 3m x 3m = 27 m³. Bề mặt hố huỷ xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Bao bì đựng cám thải: Được thu gom, phun dung dịch sát khuẩn và tận dụng để chứa phân. Trường hợp Dự án có phát sinh dịch bệnh, bao bì thải sẽ được thu gom và tiêu huỷ (Bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại khu vực đất dự phòng tiêu huỷ lợn chết).

- Giấy làm mát được định kì thu gom, lưu trữ trong nhà chứa rác và xử lý chung với CTR sinh hoạt.

- Bùn thải: Được thu gom định kỳ và quản lý theo quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn.

+ Bùn thải thu gom từ bể tự hoại: Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định quản lý chất thải công nghiệp thông thường.

+ Bùn thải từ hầm biogas (Được thu gom định kỳ trong từng đợt nuôi) → Máy ép để giảm độ ẩm → Nhà ủ phân.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải → Máy ép để giảm độ ẩm → Bể lưu chứa bùn thải.

Thực hiện lấy mẫu, phân định, phân loại bùn thải để có biện pháp quản lý theo quy định (Nếu bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; nếu bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý như chất thải công nghiệp thông thường).

- Chất thải chăn nuôi được vận chuyển theo đường vận chuyển riêng, đảm bảo các quy định về an toàn, vệ sinh dịch tễ và môi trường.

- Công trình: Nhà ủ phân (Diện tích $240 \text{ m}^2 = 12\text{m} \times 20\text{m}$; có mương thu gom và đường dẫn nước thải từ quá trình ủ phân về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung); Nhà chứa phân (Diện tích $200 \text{ m}^2 = 10\text{m} \times 20\text{m}$; được bố trí gần kề với nhà ủ phân); 01 máy ép phân (Công suất 2 tấn/giờ).

- Yêu cầu: Thực hiện phân định, phân loại bùn thải và có biện pháp quản lý theo quy định. Chất thải rắn chăn nuôi được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác”. Phải đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại:

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Thu gom, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa riêng (Có nắp đậy, dán nhãn theo quy định). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) *Giai đoạn vận hành:*

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định; được lưu giữ tạm thời trong kho lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định (Diện tích khoảng $10 \text{ m}^2 = 2\text{m} \times 5\text{m}$). Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

- Đối với lợn chết do dịch bệnh:

+ Áp dụng đúng biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y. Tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 “Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn”; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-

BNNPTNT và QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

+ Bố trí diện tích đất dự phòng 500 m² để xử lý, tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh; đảm bảo các quy định pháp luật về thú y và bảo vệ môi trường.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, giám sát, quản lý; đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

4.3.1. Giai đoạn thi công:

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Công trình: không có.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Khu vực dự án cách xa khu dân cư, do đó âm thanh phát ra từ khu vực chuồng trại ảnh hưởng không đáng kể đến khu vực xung quanh. Bố trí hàng rào bao quanh Dự án, trồng dải cây xanh cách ly dọc theo tường rào; chuồng trại được thiết kế dưới dạng kín để giảm thiểu tác động do tiếng ồn từ các hoạt động của Dự án.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải:

- Lập kế hoạch kiểm tra, bảo trì thường xuyên các hồ/bể xử lý. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; trang bị thiết bị dự phòng tại hệ thống xử lý nước thải (máy bơm, máy thổi khí,..).

- Đường ống thoát nước thải được thiết kế âm so với mặt đất từ 0,5m-0,7m; đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có tạo độ dốc để thoát nước dễ dàng.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với hầm biogas: Phải tiến hành kiểm tra để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và có biện pháp khắc phục phù hợp.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung (Do vận hành không hiệu quả hoặc cần kiểm tra, sửa chữa): Nước thải sẽ được bơm về lưu chứa tại hồ sự cố để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố; sau đó được bơm trở lại Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp

tục xử lý; đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - cột B, QCVN 01-195:2022/BNNPTNT trước khi chuyển qua hồ dự trữ để tái sử dụng tưới cây trong khu vực dự án.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ:

Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn và phòng chống cháy nổ.

c) Phương pháp phòng chống dịch bệnh:

- Tuân thủ kế hoạch tiêm phòng bệnh dịch và các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.

- Áp dụng các nguyên tắc, quy định về phòng chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh môi trường trong chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019, Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

a) Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Thường xuyên khơi thông dòng chảy theo địa hình, không để xảy ra tình trạng ngập úng khu vực dự án và vùng lân cận.

+ Quản lý chất thải xây dựng phát sinh trên công trường theo đúng quy định, không để phát tán dầu nhớt thải vào đất hoặc trôi theo dòng nước.

- Giai đoạn vận hành: Bố trí hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với nước thải. Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án (sân và đường nội bộ) → Thu gom theo hệ thống mương dẫn nội bộ bằng bê tông (Bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ và sân bãi) → thoát theo địa hình (từ Tây Nam xuống Đông Bắc) ra ngoài khu vực đường giao thông giáp ranh dự án.

+ Nước mưa trên mái nhà khu vực chăn nuôi và các công trình phụ trợ được thu gom vào các ống dẫn PVC D120 mm → Hệ thống mương dẫn nội bộ (Có bố trí song chắn rác, hố ga) → chảy theo địa hình và đổ về suối Ea Doua phía Tây dự án.

+ Nước mưa chảy tràn tại các khu vực đất trống, khu vực cây xanh: chảy theo địa hình và đổ về suối Ea Doua phía Tây dự án.

- Hệ thống mương dẫn nội bộ và mương thoát nước mưa sẽ được nạo vét định kỳ để loại bỏ rác, cặn lắng và khơi thông dòng chảy.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông:

Xây dựng phương án tổ chức thi công phù hợp; đảm bảo các hoạt động trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án không gây ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân trên tuyến đường khu vực thực hiện Dự án.

c) Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc khai thác nước ngầm tại dự án:

- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật về hoạt động khai thác nước dưới đất phục vụ Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến hoạt động khai

thác nước dưới đất. Báo cáo cơ quan chức năng khi phát hiện có dấu hiệu bất thường xảy ra (Hiện tượng tụt mực nước ngầm; sụt lún các công trình xung quanh khu vực khai thác; thay đổi về chất lượng nước ngầm ...).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng:

5.1.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian triển khai xây dựng.
- Vị trí giám sát: 02 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động xây dựng của Dự án, giáp ranh dự án về cuối hướng gió).
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.
- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.
- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng” và Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.1.3. Giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm

công trình xử lý chất thải của Dự án:

Việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường” và theo Giấy phép môi trường của Dự án.

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải: Ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

+ Tần suất quan trắc nước thải: tối thiểu 15 ngày/lần (Đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Tổng Coliform, Clorua, Asen, Cadimi, Tổng Crom, Thủy ngân, Chì, E.coli.

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải: Ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải.

+ Tần suất quan trắc nước thải: ít nhất 01 ngày/lần. Đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào (Tại Hồ thu, trước khi chuyển nước thải vào hầm biogas) và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra (Bể chứa nước thải, cuối) trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát nước thải: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Tổng Coliform, Clorua, Asen, Cadimi, Tổng Crom, Thủy ngân, Chì, E.coli.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi (Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho).

+ QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng (pH, Clorua, Asen, Cadimi, Tổng Crom, Thủy ngân, Chì, E.coli).

+ QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (Cột B1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng).

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án:

5.3.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Tần suất giám sát: 03tháng/lần.

- Vị trí giám sát: thực hiện giám sát tại 03 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của Dự án, cách khu vực chăn nuôi, khu vực xử lý nước thải).

- Thông số quan trắc: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NH₃, H₂S, NO₂, CH₄.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.3.2. Giám sát nước thải:

Thực hiện giám sát nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và theo Giấy phép môi trường.

a) Giám sát đối với nước thải trước khi xử lý (Đầu vào hệ thống xử lý nước thải)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 điểm (Tại hố thu, trước khi chuyển nước thải vào hầm biogas của Hệ thống xử lý nước thải).

- Thông số: Theo dõi lưu lượng, nhiệt độ.

b) Giám sát đối với nước thải sau khi xử lý

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 điểm (Hồ chứa nước thải cuối).
- Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Tổng Coliform, Clorua, Asen, Cadimi, Tổng Crom, Thủy ngân, Chì, E.coli.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 62-MT: 2016/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi (Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho).

+ QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng (pH, Clorua, Asen, Cadimi, Tổng Crom, Thủy ngân, Chì, E.coli).

+ QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (Cột B1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng).

5.3.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà ủ phân, nhà chứa phân, khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.4. Giám sát chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và

khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại; khu vực tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3.5. Giám sát chất lượng nước dưới đất:

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (Giếng khoan tại khu vực dự án).

- Thông số giám sát: pH, độ đục, Độ cứng tổng số (theo CaCO₃), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amôni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Clorua (Cl⁻) Florua (F⁻), Sắt (Fe), Cadimi (Cd), Asen (As), Coliform, E. Coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.6. Giám sát nguy cơ về dịch bệnh:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực chăn nuôi và chôn lấp lợn chết.

- Nội dung giám sát: Công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y và tiêu hủy nhau thai, lợn chết (Do dịch bệnh và không do dịch bệnh).

- Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về trồng trọt, chăn nuôi, thú y và bảo vệ môi trường.

5.3.7. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện, quản lý bảo vệ rừng bền vững và các quy định khác liên quan.

6. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương. Chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, khu vực lưu chứa và xử lý chất thải của Dự án.

6.4. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án; lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra, cấp phép trước khi vận hành công trình xử lý chất thải theo khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường; Báo cáo kế hoạch, kết quả vận hành thử nghiệm theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; đăng ký môi trường trước khi vận hành chính thức sau khi đã hoàn thành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.5. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật. Bố trí đường vận chuyển chất thải riêng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát các công trình lưu giữ, xử lý chất thải của dự án.

6.6. Thực hiện đầy đủ thủ tục về khai thác nước dưới đất theo quy định. Chỉ khai thác nước giếng khoan sau khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước ngầm tại khu vực được phê duyệt và phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.7. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định. Việc chôn lấp, tiêu hủy vật nuôi chết do dịch bệnh phải được thực hiện theo quy định Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

6.8. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành Dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải định kỳ theo đúng quy định pháp luật hiện hành; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường và lưu giữ các tài liệu có liên quan đến báo cáo tại cơ sở đề cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

6.9. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện Dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.